



RSM DTL Auditing
Connected for Success

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2014	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 38

178
NG
EM
AT
.T
PH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty" cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận trước đây là một doanh nghiệp nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng.

Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có đầu tư vào 01 công ty con.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Chi nhánh tại Bình Dương: Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Cửa hàng điện tử: 69 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 218A Phan Đình Phùng, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Câu lạc bộ Ngôi Sao: 17 Lô C11 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai: 1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Trung Tâm dịch vụ điện tử: 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận: Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Bà Trương Thị Thanh Tâm	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Ngọc Minh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Thiện Hưng	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Tấn Phi Khanh	Ủy viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Lụa	Ủy viên Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Việt Trung	Thành viên
Ông Đặng Văn Tuấn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Xuân Hàn	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hướng Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho các năm tài chính tiếp theo của Nhóm công ty.

(Phần tiếp theo trang 03)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN



Số: 15.102B/BCKTHN-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 23 tháng 03 năm 2015 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại ngày 06/03/2014.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0172-2013-026-1

KIỂM TOÁN VIÊN

HUỲNH THỊ NGỌC TRINH

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740.412.039.509	489.506.756.619
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	101.405.049.773	105.387.758.861
1. Tiền	111		39.405.049.773	55.387.758.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		62.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5.2	191.755.833.213	106.286.228.389
1. Phải thu khách hàng	131		49.349.661.697	31.042.812.263
2. Trả trước cho người bán	132		154.639.191.974	74.480.169.092
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			499.992
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		2.291.979.542	762.747.042
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(14.525.000.000)	
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	443.502.846.546	249.729.270.539
1. Hàng tồn kho	141		456.106.846.546	273.663.270.539
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(12.604.000.000)	(23.934.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.748.309.977	28.103.498.830
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		770.111.434	230.192.121
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.715.509.791	18.240.613.965
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.122.688.752	981.550.675
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		140.000.000	8.651.142.069

(Phần tiếp theo trang 07)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		257.639.142.940	316.926.106.649
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		62.224.549.437	169.009.141.835
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	23.600.373.797	19.530.575.065
+ Nguyên giá	222		38.767.912.151	34.624.193.957
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.167.538.354)	(15.093.618.892)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	5.281.485.658	72.818.952.258
+ Nguyên giá	228		5.367.082.258	72.818.952.258
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.596.600)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	33.342.689.982	76.659.614.512
III. Bất động sản đầu tư	240	5.8	164.013.554.664	125.219.386.047
+ Nguyên giá	241		188.503.783.595	138.687.003.107
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(24.490.228.931)	(13.467.617.060)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	20.104.887.026	10.505.115.857
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		12.818.996.026	4.164.500.357
3. Đầu tư dài hạn khác	258		8.340.615.500	6.340.615.500
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.054.724.500)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.296.151.813	12.192.462.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	11.286.151.813	11.485.400.653
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			635.062.257
3. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	72.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		998.051.182.449	806.432.863.268

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		583.604.681.535	423.476.288.539
I. Nợ ngắn hạn	310		561.465.176.574	390.665.647.644
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	467.712.074.190	297.445.738.653
2. Phải trả người bán	312	5.12	21.603.009.874	11.792.054.685
3. Người mua trả tiền trước	313	5.12	905.524.660	14.810.997
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.13	15.537.544.636	20.864.509.373
5. Phải trả người lao động	315	5.14	14.082.577.224	19.840.886.391
6. Chi phí phải trả	316	5.15	3.118.380.593	6.582.136.812
7. Phải trả nội bộ	317		12.082.061	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		673.900.713	242.000.800
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	5.16	12.616.760.000	13.032.508.612
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.17	25.203.322.623	20.851.001.321
II. Nợ dài hạn	330		22.139.504.961	32.810.640.895
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.18	5.701.500.000	5.573.300.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.19	16.347.340.895	27.237.340.895
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	6.8	90.664.066	
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		414.446.500.914	380.207.397.318
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20.1	414.446.500.914	380.207.397.318
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.20.2	224.999.770.000	150.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.742.230.000	124.742.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		58.041.957.227	48.517.244.553
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		25.694.655.095	10.122.917.004
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.995.543.100	2.526.353.100
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.20.6	53.972.345.492	44.298.882.661
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỘ ĐỒNG THIỂU SỐ	439			2.749.177.411
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		998.051.182.449	806.432.863.268

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN/HN

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		46.268.909.901	46.268.909.901
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		807.153,36	178.660,92
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ LỤA

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.652.920.726.789	1.382.131.994.582
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		328.296.842	763.388.704
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	1.652.592.429.947	1.381.368.605.878
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	1.446.000.970.295	1.181.286.643.915
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		206.591.459.652	200.081.961.964
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	5.099.769.461	4.624.489.966
7. Chi phí tài chính	22	6.4	20.289.884.120	21.567.954.228
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		15.338.811.717	18.770.632.767
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	50.437.722.748	51.987.739.239
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.6	44.320.348.703	37.217.735.500
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		96.643.273.542	93.933.022.963
11. Thu nhập khác	31		2.374.163.594	4.310.218.101
12. Chi phí khác	32		1.677.080.122	641.230.403
13. Lợi nhuận khác	40		697.083.472	3.668.987.698
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		(2.406.266.483)	988.542.536
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		94.934.090.531	98.590.553.197
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.7	21.187.693.773	25.936.912.095
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	6.8	725.726.323	(635.062.257)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		73.020.670.435	73.288.703.359
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		482.504.535	707.550.862
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		72.538.165.900	72.581.152.497
19. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		3.224	3.226

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





BÙI THỊ ANH THƯ

TRẦN THỊ LỤA

NGUYỄN XUÂN HÀN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. min	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		94.934.090.531	98.590.553.197
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		12.833.392.420	10.184.477.161
Các khoản dự phòng	03		4.249.724.500	4.219.000.000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(297.331.356)	813.061.388
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		726.119.890	(2.608.422.529)
Chi phí lãi vay	06		15.338.811.717	18.770.632.767
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		127.784.807.702	129.969.301.984
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(71.410.003.941)	(38.696.041.641)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(118.727.607.346)	(40.782.708.972)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.153.434.020)	(374.821.866)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(408.520.437)	424.116.700
Tiền lãi vay đã trả	13		(16.104.136.173)	(18.694.740.949)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25.512.646.876)	(33.274.669.044)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		12.636.608.591	475.560.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.317.959.198)	(13.078.971.396)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109.212.891.698)	(14.032.975.184)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.552.074.704)	(13.839.330.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			662.568.093
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			(391.710.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.425.000.000)	(1.350.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.091.082.402	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.442.480.419	2.939.220.270
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.443.511.883)	(11.979.251.963)

(Phần tiếp theo trang 12)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. min	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.273.453.843.775	1.167.760.282.709
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.113.780.176.882)	(1.078.717.882.140)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(41.999.972.400)	(45.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		117.673.694.493	44.042.400.569
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(3.982.709.088)	18.030.173.422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		105.387.758.861	87.357.585.439
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	101.405.049.773	105.387.758.861

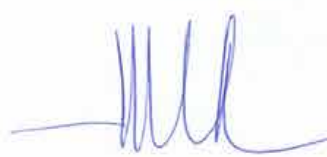
TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ LỆ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận trước đây là một doanh nghiệp nhà nước. Ngày 02 tháng 10 năm 2001, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Phú Nhuận theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0302416364 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 06 năm 2014.

Ngày 20 tháng 11 năm 2007, Công ty đã đăng ký là công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 225 tỷ đồng.

Công ty có đầu tư vào 01 công ty con như được trình bày tại mục 1.3 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Chi nhánh tại Bình Dương: Lô B11, ô1,2,3, Đường D1, Khu Công Nghiệp Đất Cuốc, Thị Xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Cửa hàng điện tử: 69 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 218A Phan Đình Phùng, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Câu lạc bộ Ngôi Sao: 17 Lô C11 Phan Xích Long, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Trung Tâm Dịch Vụ Điện Tử: 7 Hoàng Minh Giám, Phường 09, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Gia Lai: 1028 Hùng Vương, Thị trấn Chư Sê, Huyện Chư Sê, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận – Trung tâm dịch vụ điện tử: 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Chi nhánh Hiệp Phước - Công ty Cổ phần Dịch vụ Phú Nhuận: Lô A.10a Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 149 (31/12/2013: 137).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Xuất nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng và vật tư sản xuất.
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, kho bãi, cửa hàng, công trình dân dụng.
- Kinh doanh ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.
- Kinh doanh vật tư, nguyên liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), máy móc thiết bị, hàng kim khí điện máy, đồ điện gia dụng, điện tử, vi tính, mỹ phẩm, quần áo, vải sợi, xăng dầu, vật liệu xây dựng, phân bón, thuốc trừ sâu, lương thực, thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá nội, hàng tiêu dùng sản xuất trong nước và nhập khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.
- Giao nhận vận chuyển hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Sản xuất, gia công lắp ráp máy móc, thiết bị điện, điện tử, công nghệ phần mềm.
- Dịch vụ Karaoke, giải trí, thể thao. Sản xuất phát hành chương trình ca nhạc, chương trình Karaoke (có nội dung được phép lưu hành), gia công phối âm, thu âm.
- Sản xuất, mua bán điện thoại cố định, điện thoại di động, linh kiện phụ tùng, thiết bị viễn thông.
- Dịch vụ cài đặt nhạc chuông, bài hát, hình ảnh cho điện thoại di động.
- Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng.
- Dịch vụ Quảng cáo.
- Dịch vụ trông giữ xe.

1.3. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Công ty con trực tiếp

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV KS Hoa Mai Vàng	Số 75 Hoàng Văn Thụ, Phường 15, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh	100%	100%

1.4. Danh sách công ty liên doanh, liên kết được tổng hợp quyền lợi vào báo cáo tài chính hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	91 Nguyễn Du, Phường 7, Quận Gò Vấp, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%
2.	Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Lầu 7, Ariang Building, Số 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%
3.	Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	93 Tô Hiệu, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam	46,15%	46,15%
4.	Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Tòa nhà Ariang, 131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	45,00%	45,00%
5.	Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	131 Trần Huy Liệu, Phường 08, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	40,00%	40,00%
6.	Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Lô A, Số 10A Đường số 1, Khu Công Nghiệp Hiệp Phước, Xã Long Thới, Huyện Nhà Bè, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	30,00%	30,00%

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

2.3. Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Dịch Vụ Phú Nhuận, báo cáo tài chính công ty con và phần quyền lợi của Công ty trong lãi, lỗ của các công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Nhóm công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan tiền thuê đất trả trước. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 34 đến 39 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 – 25 năm
+ Máy móc thiết bị	03 – 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại:

- Số 69 Hoàng Văn Thụ, P15, Q. Phú Nhuận thành phố Hồ Chí Minh trong 49 năm. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại 206 Điện Biên Phủ, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

4.9 Thuê

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê. Các chi phí trực tiếp liên quan tới quá trình đàm phán và thu xếp các khoản thuê hoạt động được cộng vào giá gốc của tài sản cho thuê và được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê.

4.10 Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.11 Bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm bất động sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25 năm
+ Quyền sử dụng đất	46 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán.

4.12 Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

88-C
TY
QUẢN
VẬN
L
CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính khác.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Nhóm công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.14 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Nhóm công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Nhóm công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

4.16 Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

4.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty trước khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.19 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành của Công ty mẹ là 22% và Công ty con là 20%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

4.20 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Nhóm công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Nhóm công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.23 Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính này:

(Phần tiếp theo trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (Trích)

	Đầu năm (Phân loại lại)	VND Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
TSCĐ hữu hình		
+ Nguyên giá	34.624.193.957	89.211.792.809
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(15.093.618.892)	(24.399.569.363)
TSCĐ vô hình		
+ Nguyên giá	72.818.952.258	83.918.356.513
Bất động sản đầu tư		
+ Nguyên giá	138.687.003.107	73.000.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(13.467.617.060)	(4.161.666.589)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20.864.509.373	19.623.188.448
Phải trả người lao động	19.840.886.391	20.415.939.861
Chi phí phải trả	6.582.136.812	19.614.645.424
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	242.000.800	908.268.255
Dự phòng phải trả ngắn hạn	13.032.508.612	-

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	VND Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Giá vốn hàng bán	1.181.286.643.915	1.194.319.752.527
Chi phí bán hàng	51.987.739.239	51.805.114.320
Thu nhập khác	4.310.218.101	17.160.701.794
Lãi cơ bản trên cổ phần	3.226	4.839

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Năm trước (Phân loại lại)	VND Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(13.839.330.326)	(87.286.364)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	662.568.093	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	225.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.350.000.000)	(6.350.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.939.220.270	3.956.258.770
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	1.167.760.282.709	4.102.020.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.078.717.882.140)	(873.938.050.619)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(45.000.000.000)	(47.592.589.850)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Việc phân loại lại số liệu so sánh là do:

- Trình bày lại nguyên giá và hao mòn lũy kế của các tài sản cố định hữu hình và vô hình hiện Công ty đang cho thuê sang bất động sản đầu tư.
- Trình bày lại các khoản thuế thu nhập cá nhân đang được Công ty trình bày ở khoản mục phải trả người lao động và phải trả khác thuế và các khoản phải nộp nhà nước.
- Trình bày lại chi phí dự phòng bảo hành đang được Công ty trình bày trên khoản mục chi phí phải trả; Khoản trích trước và hoàn nhập chi phí dự phòng bảo hành đang được Công ty ghi nhận tại khoản mục giá vốn và thu nhập khác.
- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi cơ bản trên cổ phiếu, chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2013 được hồi tố lại do Nhóm Công ty tăng vốn điều lệ trong năm 2014 bằng việc phát hành cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn với tỷ lệ 50%.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	345.519.549	2.916.810.352
Tiền gửi ngân hàng	39.059.530.224	52.470.948.509
Các khoản tương đương tiền	62.000.000.000	50.000.000.000
Tổng cộng	<u>101.405.049.773</u>	<u>105.387.758.861</u>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 – 2 tháng và có lãi suất từ 4%/tháng – 4,5%/tháng.

Toàn bộ số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	49.349.661.697	31.042.812.263
Trả trước cho người bán	154.639.191.974	74.480.169.092
+ Trả trước cho các hợp đồng mua điều, cà phê	29.050.690.446	35.864.828.406
+ Trả trước cho các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ khác	125.588.501.528	38.615.340.686
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	499.992
Các khoản phải thu khác	2.291.979.542	762.747.042
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	<u>206.280.833.213</u>	<u>106.286.228.389</u>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(14.525.000.000)	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>191.755.833.213</u>	<u>106.286.228.389</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty và được đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11, trong đó, khoản phải thu các bên liên quan có số tiền là 7.644.762.400 đồng – Xem thêm mục 8.

Các khoản trả trước cho các bên liên quan có số tiền là 3.686.878.000 đồng – Xem thêm mục 8.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	14.897.362.254	474.818.200
Nguyên liệu, vật liệu	109.715.619.153	125.179.596.506
Công cụ, dụng cụ	1.185.090.000	1.093.682.819
Thành phẩm	2.492.167.926	867.701.487
Hàng hóa	234.318.590.083	141.000.847.847
Hàng hóa bất động sản	73.868.021.500	
Hàng gửi bán	19.629.995.630	5.521.441.880
Cộng giá gốc hàng tồn kho	456.106.846.546	273.663.270.539
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.604.000.000)	(23.934.000.000)
Giá trị thuần có thể thực hiện	443.502.846.546	249.729.270.539

Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 11.330.000.000 đồng do giá bán sản phẩm tăng.

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	20.109.051.979	6.343.873.591	7.993.031.387	178.237.000	34.624.193.957
Mua trong năm	-	178.277.273	1.432.492.454	69.103.650	1.679.873.377
Đầu tư XD CB hoàn thành	12.735.291.198	-	-	-	12.735.291.198
Chuyển BĐS đầu tư	(1.971.987.778)	-	-	-	(1.971.987.778)
Chuyển hàng hóa BĐS	(6.416.151.500)	-	-	-	(6.416.151.500)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(414.498.571)	-	(414.498.571)
Xóa sổ tài sản	(1.290.571.532)	-	-	-	(1.290.571.532)
Giảm khác	-	-	-	(178.237.000)	(178.237.000)
Số dư cuối năm	23.165.632.367	6.522.150.864	9.011.025.270	69.103.650	38.767.912.151
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6.307.763.487	4.481.976.229	4.262.670.756	41.208.420	15.093.618.892
Khấu hao trong năm	1.298.670.719	705.271.620	662.515.712	959.772	2.667.417.823
Chuyển BĐS đầu tư	(942.233.874)	-	-	-	(942.233.874)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(414.498.571)	-	(414.498.571)
Xóa sổ tài sản	(1.195.557.496)	-	-	-	(1.195.557.496)
Giảm khác	-	-	-	(41.208.420)	(41.208.420)
Số dư cuối năm	5.468.642.836	5.187.247.849	4.510.687.897	959.772	15.167.538.354
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	13.801.288.492	1.861.897.362	3.730.360.631	137.028.580	19.530.575.065
Tại ngày cuối năm	17.696.989.531	1.334.903.015	4.500.337.373	68.143.878	23.600.373.797

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 3.825.617.973 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất	Số đầu năm	Tăng	Chuyển sang hàng hóa BĐS	VND	
				Số cuối năm	
Nguyên giá	72.818.952.258	-	(67.451.870.000)	5.367.082.258	
Giá trị hao mòn lũy kế	-	(85.596.600)	-	(85.596.600)	
Giá trị còn lại	72.818.952.258			5.281.485.658	

5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình Hiệp Phước 2	31.860.531.336	22.050.538.654
Công trình Hiệp Phước 1	-	39.151.205.831
Công trình Văn phòng Công ty tại 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 08, Quận Phú Nhuận	-	10.765.011.038
Các Công trình khác	1.482.158.646	4.692.858.989
Tổng cộng	33.342.689.982	76.659.614.512

Trong đó, giá trị Công trình Hiệp Phước 2 được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng – Xem thêm mục 5.11 và mục 5.19.

5.7. Chi phí lãi vay được vốn hóa

Trong năm, Nhóm công ty đã vốn hóa chi phí lãi vay với số tiền 765.324.456 đồng. Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển tài sản cố định là Công trình Hiệp Phước 1 và Công trình Hiệp Phước 2. Chi phí lãi vay được vốn hóa trong năm không vượt quá tổng chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5.8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	VND	
				Tổng cộng	
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	26.145.204.255	86.647.798.852	25.894.000.000	138.687.003.107	
Điều chuyển từ TSCĐ hữu hình	-	1.971.987.778	-	1.971.987.778	
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	47.715.331.510	-	47.715.331.510	
Tăng khác	-	129.461.200	-	129.461.200	
Số dư cuối năm	26.145.204.255	136.464.579.340	25.894.000.000	188.503.783.595	
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	6.278.933.367	7.188.683.693	13.467.617.060	
Điều chuyển từ TSCĐ hữu hình	-	942.233.874	-	942.233.874	
Tăng trong năm	274.276.393	5.145.268.269	4.660.833.335	10.080.377.997	
Số dư cuối năm	274.276.393	12.366.435.510	11.849.517.028	24.490.228.931	
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	26.145.204.255	80.368.865.485	18.705.316.307	125.219.386.047	
Tại ngày cuối năm	25.870.927.862	124.098.143.830	14.044.482.972	164.013.554.664	

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng đảm bảo cho các khoản vay là 45.741.623.621 đồng – Xem thêm mục 5.11 và mục 5.19.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính.

5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.818.996.026	4.164.500.357
Đầu tư dài hạn khác	8.340.615.500	6.340.615.500
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	21.159.611.526	10.505.115.857
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn khác	(1.054.724.500)	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	20.104.887.026	10.505.115.857

Đầu tư vào cổ phiếu công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Phân loại đầu tư	Vốn góp theo phương pháp giá gốc đến 31/12/2014	Vốn góp theo phương pháp vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Liên kết	1.500.000.000	3.138.064.184
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Liên kết	1.800.000.000	1.468.261.358
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Liên kết	3.000.000.000	3.740.426.330
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Liên kết	975.000.000	81.340.559
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Liên kết	4.000.000.000	1.612.852.998
Công ty Cổ Phần Điện Tử Amtec	Liên kết	3.000.000.000	2.778.050.597
Cộng		14.275.000.000	12.818.996.026

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	271.330	4.500.615.500	261.274	4.500.615.500
Công ty Cổ phần Alo360.com	300.000	3.000.000.000	-	-
Công ty CP Dịch vụ và xúc tiến Thương mại Hiệp hội Doanh nghiệp TP. Hồ Chí Minh	-	840.000.000	-	840.000.000
Cơ sở Thiên Phước	-	-	-	1.000.000.000
Cộng		8.340.615.500		6.340.615.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước	6.078.747.044	6.228.391.381
Tiền thuê đất dài hạn KCN Đất Cuốc	4.973.107.368	4.973.107.368
Phí quảng cáo sân bóng Phú Nhuận	120.000.000	240.000.000
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	114.297.401	43.901.904
Tổng cộng	11.286.151.813	11.485.400.653

Trong đó, giá trị tiền thuê đất dài hạn KCN Hiệp Phước được dùng đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 5.19.

5.11. Vay và nợ ngắn hạn

Là các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất 6,5%/năm đối với VND và 3%/năm đối với USD. Các khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Các tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có là quyền sử dụng đất, toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án Hiệp Phước 1, Hiệp Phước 2 – Xem thêm mục 5.6 và mục 5.8.
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác – Xem thêm mục 5.1.
- Các khoản phải thu từ các hợp đồng kinh tế - Xem thêm mục 5.2.

5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	21.603.009.874	11.792.054.685
Người mua trả tiền trước	905.524.660	14.810.997
Tổng cộng	22.508.534.534	11.806.865.682

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó, khoản phải trả các bên liên quan với số tiền 2.784.496.350 đồng – Xem thêm mục 8.

Các bên liên quan trả tiền trước với số tiền là 297.579.525 đồng – Xem thêm mục 8.

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	35.762.286	683.949.056
Thuế xuất, nhập khẩu	293.832.180	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.077.261.005	18.927.458.690
Thuế thu nhập cá nhân	1.130.689.165	1.253.101.627
Tổng cộng	15.537.544.636	20.864.509.373

5.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương, thưởng năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.15. Chi phí phải trả

		VND	
	Cuối năm	Đầu năm	
Trích trước chi phí quảng cáo	1.425.000.000	-	
Trích trước chi phí xây dựng	1.693.380.593	6.582.136.812	
Tổng cộng	<u>3.118.380.593</u>	<u>6.582.136.812</u>	

5.16. Dự phòng phải trả

Là khoản dự phòng phải trả bảo hành sản phẩm.

5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

		VND	
	Năm nay	Năm trước	
Số dư đầu năm	20.851.001.321	18.086.212.717	
Trích lập trong năm	8.500.000.000	10.800.000.000	
Tăng khác	94.320.000	135.560.000	
Sử dụng trong năm	(4.241.998.698)	(8.170.771.396)	
Số dư cuối năm	<u>25.203.322.623</u>	<u>20.851.001.321</u>	

5.18. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ, ký cược thuê mặt bằng.

5.19. Vay và nợ dài hạn

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 6 đến 10 năm với lãi suất 14%/năm. Các khoản vay này được bảo đảm bằng:

- Quyền sử dụng đất thuê và tài sản hình thành từ vốn vay KCN Hiệp Phước – Xem thêm mục 5.8 và mục 5.10.
- Tài sản trên đất hình thành trong tương lai KCN Hiệp Phước 2 - Xem thêm mục 5.6.

(Phần tiếp theo trang 27)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.20. Vốn chủ sở hữu**5.20.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	124.742.000.000	36.057.672.440	11.409.319.144	2.526.353.100	57.335.050.011	382.070.394.695
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	72.581.152.497	72.581.152.497
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	12.459.572.113	12.036.000.000	-	(24.634.472.113)	(138.900.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(13.322.402.140)	-	-	(13.322.402.140)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
Điều chỉnh thuế 2012	-	-	-	-	-	(1.182.847.734)	(1.182.847.734)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(4.000.000.000)	(4.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	150.000.000.000	124.742.000.000	48.517.244.553	10.122.917.004	2.526.353.100	44.298.882.661	380.207.397.318
Tăng vốn năm nay	74.999.770.000	-	-	-	-	-	74.999.770.000
Giảm khác	-	(74.999.770.000)	-	-	-	-	(74.999.770.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	72.538.165.900	72.538.165.900
Tặng/(Giảm) khác	-	-	(26.439.823)	11.937.288.591	-	7.886.421.828	19.797.270.596
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(41.999.972.400)	(41.999.972.400)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn	-	-	9.551.152.497	3.700.000.000	3.000.000.000	(16.251.152.497)	-
Trích quỹ khác	-	-	-	-	-	(12.500.000.000)	(12.500.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(65.550.500)	(3.530.810.000)	-	(3.596.360.500)
Số dư cuối năm nay	224.999.770.000	49.742.230.000	58.041.957.227	25.694.655.095	1.995.543.100	53.972.345.492	414.446.500.914

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

5.20.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	90.413.210.000	56.964.910.000
Cổ đông khác	134.586.560.000	93.035.090.000
Tổng cộng	<u>224.999.770.000</u>	<u>150.000.000.000</u>

5.20.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia	41.999.972.400	45.000.000.000

5.20.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	22.499.977	15.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	22.499.977	15.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	22.499.977	15.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.20.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lãi hợp nhất sau thuế của các cổ đông của công ty mẹ	72.538.165.900	72.581.152.497
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	22.499.977	22.499.977
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	<u>3.224</u>	<u>3.226</u>

5.20.6. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	44.298.882.661	57.335.050.011
Lợi nhuận sau thuế trong năm	72.538.165.900	72.581.152.497
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(9.551.152.497)	(12.459.572.113)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(3.700.000.000)	(12.036.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.500.000.000)	(10.800.000.000)
Trích lập Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	(3.000.000.000)	-
Trích lập Quỹ xã hội	(4.000.000.000)	-
Chia cổ tức	(41.999.972.400)	(45.000.000.000)
Tăng/(Giảm) khác	7.886.421.828	(5.321.747.734)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	<u>53.972.345.492</u>	<u>44.298.882.661</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.625.987.433.590	1.347.999.423.334
Doanh thu cung cấp dịch vụ	26.933.293.199	34.132.571.248
Chiết khấu thương mại	(319.458.650)	(25.199.691)
Hàng bán bị trả lại	(8.838.192)	(737.711.321)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	(477.692)
Doanh thu thuần	<u>1.652.592.429.947</u>	<u>1.381.368.605.878</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.428.964.871.881	1.156.159.237.193
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	19.216.098.414	20.908.406.722
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.180.000.000)	4.219.000.000
Tổng cộng	<u>1.446.000.970.295</u>	<u>1.181.286.643.915</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.442.480.419	3.641.890.501
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.359.957.686	982.599.465
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	297.331.356	-
Tổng cộng	<u>5.099.769.461</u>	<u>4.624.489.966</u>

6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	15.338.811.717	18.770.632.767
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	138.725.576	154.356.969
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.931.172.537	1.829.903.104
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	813.061.388
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.054.724.500	-
Lỗ do thoái vốn đầu tư trong Công ty con	826.449.790	-
Tổng cộng	<u>20.289.884.120</u>	<u>21.567.954.228</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	13.480.039.725	13.448.747.608
Chi phí vật liệu, bao bì	48.775.740	42.973.815
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	695.189.255	1.847.684.890
Chi phí khấu hao TSCĐ	652.589.185	736.471.769
Chi phí bảo hành	2.969.923.761	182.624.919
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.584.808.852	12.084.426.141
Chi phí bằng tiền khác	19.006.396.230	23.644.810.097
Tổng cộng	<u>50.437.722.748</u>	<u>51.987.739.239</u>

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	15.329.163.433	20.143.092.270
Chi phí vật liệu quản lý	4.318.182	115.251.424
Chi phí đồ dùng văn phòng	233.318.554	112.989.920
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.477.924.240	982.657.233
Thuế, phí và lệ phí	1.910.606.305	1.975.655.034
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	14.525.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.379.865.903	5.296.751.755
Chi phí bằng tiền khác	9.460.152.086	8.591.337.864
Tổng cộng	<u>44.320.348.703</u>	<u>37.217.735.500</u>

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	94.934.090.531	98.590.553.197
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	837.732.922	6.145.637.717
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(774.366.647)	988.542.536
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>94.997.456.806</u>	<u>103.747.648.378</u>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	<u>21.187.693.773</u>	<u>25.936.912.095</u>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

6.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại, thuế TNDN hoãn lại phải trả của Nhóm công ty và những biến động trong năm và năm trước được trình bày như sau:

	VND		
	Giao dịch nội bộ	Dự phòng đầu tư tài chính	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm trước	(635.062.257)	-	(635.062.257)
Số dư đầu năm nay	(635.062.257)	-	(635.062.257)
Hạch toán là chi phí (thu nhập) trong kết quả kinh doanh năm nay	635.062.257	90.664.066	725.726.323
Số dư cuối năm nay	-	90.664.066	90.664.066

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản TNDN hoãn lại	-	635.062.257
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	90.664.066	-
Tổng cộng	90.664.066	635.062.257

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	626.907.538.449	730.615.016.021
Chi phí nhân công	33.872.589.369	39.005.686.782
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.842.569.314	10.219.166.102
Chi phí dự phòng	14.525.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.836.316.936	33.620.839.715
Chi phí khác bằng tiền	35.438.631.904	39.696.748.001
Tổng cộng	751.422.645.972	853.157.456.621

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Kinh doanh nông sản.
- Kinh doanh hàng điện tử.
- Kinh doanh bất động sản.
- Hoạt động khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Kinh doanh nông sản		Kinh doanh hàng điện tử		Kinh doanh bất động sản		Hoạt động khác		Loại trừ		ĐVT: triệu đồng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu hợp nhất												
Từ khách hàng bên ngoài	1.000.827	671.558	614.803	676.039	21.649	25.902	15.313	7.870	-	-	1.652.592	1.381.369
Giữa các bộ phận	229.101	274.723	67.030	64.104	1.371	-	1.354	-	(298.856)	(338.827)	-	-
Tổng cộng	1.229.928	946.281	681.833	740.143	23.020	25.902	16.667	7.870	(298.856)	(338.827)	1.652.592	1.381.369
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất												
Kết quả của bộ phận	970.645	637.337	464.213	861.868	12.890	13.722	16.049	7.186	(17.797)	(338.827)	1.446.001	1.181.287
Chi phí không phân bổ											94.758	89.205
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											111.833	110.876
Thu nhập tài chính											5.100	4.624
Chi phí tài chính											20.290	21.568
Lợi nhuận trước thuế											94.934	98.591
Thuế thu nhập doanh nghiệp											21.913	25.302
Lợi nhuận hợp nhất sau thuế											73.021	73.289
Các thông tin khác												
Tài sản của bộ phận											-	-
Tài sản không phân bổ											998.051	806.433
Tổng tài sản hợp nhất											998.051	806.433

VND ĐVT: triệu đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

	<u>Kinh doanh nông sản</u>	<u>Kinh doanh hàng điện tử</u>	<u>Kinh doanh bất động sản</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Loại trừ</u>	<u>Tổng công</u>
Nợ phải trả của bộ phận						2014 2013
Nợ phải trả không phân bổ						- -
Tổng nợ phải trả hợp nhất						583.605 423.476
Chi phí mua sắm tài sản						<u>583.605</u> <u>423.476</u>
Chi phí khấu hao						1.749 -
						12.833 11.426

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Nhóm công ty, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý là bộ phận thứ yếu.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	ĐVT: triệu đồng					
	<u>TP. Hồ Chí Minh</u>		<u>Gia Lai</u>		<u>Hà Nội</u>	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.570.536	973.664	696	285.713	19.461	54.584
Chi phí mua sắm tài sản					1.652.592	1.381.369
					1.749	-

Doanh thu bộ phận được dựa trên cơ sở vị trí địa lý của khách hàng. Tài sản và chi phí mua sắm tài sản có định bộ phận được trình bày theo vị trí địa lý của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Nhóm công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	Công ty liên kết
2. Công ty TNHH Quang Điện Xanh	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	Công ty liên kết
6. Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	Công ty liên kết

- Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ trong quá trình hợp nhất.

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ phần Điện Tử Amtec	7.644.762.400	-
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	-	5.538.087.425
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	-	416.844.024
Cộng	<u>7.644.762.400</u>	<u>5.954.931.449</u>

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho người bán - Xem thêm mục 5.2		
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	3.686.878.000	429.995.500

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.12		
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	(2.784.496.350)	-

		VND
	Cuối năm	Đầu năm
Người mua trả tiền trước - Xem thêm mục 5.12		
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	(297.579.525)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH Quang Điện Xanh	3.039.557.761	654.000.000
Công ty TNHH Thương mại Điện tử Arirang	25.643.622.480	-
Công ty TNHH Truyền Thông Đa Phương Tiện Arirang	344.710.573	-
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	161.946.528	-
Công ty Cổ phần Điện tử Amtec	6.956.431.188	-
Cộng	<u>36.146.268.530</u>	<u>51.607.039.950</u>

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty TNHH Công Nghệ Điện tử Phương Đông	37.250.118.400	36.218.562.200
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Nông sản Phú Long	263.534.980.493	-
Cộng	<u>300.785.098.893</u>	<u>36.218.562.200</u>

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban điều hành:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao của Hội đồng quản trị của Công ty	1.068.000.000	1.068.000.000
Tiền lương của Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty	9.341.802.770	9.355.019.230
Tổng cộng	<u>10.409.802.770</u>	<u>10.423.019.230</u>

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Nhóm công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Nhóm công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Nhóm công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.20.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

- Các loại công cụ tài chính

VND

Giá trị ghi sổ

	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.405.049.773	105.387.758.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.882.369.350	31.436.287.416
Đầu tư dài hạn khác	7.285.891.000	6.340.615.500
Tài sản tài chính khác	10.000.000	8.608.681.637
Tổng cộng	<u>158.583.310.123</u>	<u>151.773.343.414</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	484.059.415.085	324.683.079.548
Phải trả người bán và phải trả khác	27.926.122.254	17.591.486.185
Tổng cộng	<u>511.985.537.339</u>	<u>342.274.565.733</u>

Nhóm công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Nhóm công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhóm công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Nhóm công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Nhóm công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	21.536.050,56	1.654.006,40	1.981.772,98	623.532,55

Quản lý rủi ro lãi suất

Nhóm công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Nhóm công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Nhóm công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Quản lý rủi ro về giá

Nhóm công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Nhóm công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Nhóm công ty. Nhóm công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Nhóm công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Nhóm công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Nhóm công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Nhóm công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Nhóm công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Nhóm công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Nhóm công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	467.712.074.190	16.347.340.895	484.059.415.085
Phải trả người bán và phải trả khác	22.224.622.254	5.701.500.000	27.926.122.254
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay	297.445.738.653	27.237.340.895	324.683.079.548
Phải trả người bán và phải trả khác	12.018.186.185	5.573.300.000	17.591.486.185

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Nhóm công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Nhóm công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.882.369.350	-	49.882.369.350
Tài sản tài chính khác	-	10.000.000	10.000.000
Đầu tư tài chính khác	-	7.285.891.000	7.285.891.000
01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.436.287.416	-	31.436.287.416
Tài sản tài chính khác	8.536.681.637	72.000.000	8.608.681.637
Đầu tư tài chính khác	-	6.340.615.500	6.340.615.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÚ NHUẬN VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 78A Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



BÙI THỊ ANH THƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ LỤA

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN XUÂN HÀN

